

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2010/QĐ-UBND

Quy Nhơn, ngày 21 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về mức chi thực hiện nhiệm vụ
phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 của Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X kỳ họp thứ 18 Về việc quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này về Quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/2006/QĐ-UBND ngày 08/02/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành mức chi thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hữu Lộc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức chi thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2010 /QĐ-UBND

ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh)

Điều 1. Phạm vi áp dụng.

1. Quy định này áp dụng chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) của Chương trình hành động quốc gia PBGDPL và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010; kinh phí hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL các cấp theo Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình PBGDPL từ năm 2008 đến năm 2012 theo Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quy định này cũng áp dụng chi cho các hoạt động PBGDPL mang tính thường xuyên, ngoài các chương trình nêu trên tại địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Các nội dung chi khác có liên quan đến công tác PBGDPL không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 của Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi.

Quy định một số nội dung chi và mức chi công tác phổ biến giáo dục pháp luật theo Phụ lục đính kèm Quy định này.

Điều 3. Nguồn kinh phí, lập và quyết toán kinh phí.

1. Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL; kinh phí hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Hàng năm, căn cứ vào Quyết định phê duyệt kế hoạch thực hiện công tác PBGDPL, kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ PBGDPL và các đơn vị có thành lập Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng cùng với dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dự toán ngân sách hàng năm cho đơn vị (*Kinh phí hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL được giao dự toán cho cơ quan thường trực Hội đồng*). Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để nghiên cứu trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hữu Lộc

**MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHỔ BIẾN
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2010/QĐ-UBND
ngày 21 /12/2010 của UBND tỉnh)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
I	Xây dựng và xét duyệt đề án, chương trình, kế hoạch			
1	Xây dựng đề cương			Tùy theo quy mô, tính chất và nhiệm vụ của từng Chương trình, đề án
a	Xây dựng đề cương chi tiết			
	- Cấp huyện	Đề cương	500	
	- Cấp tỉnh	Đề cương	700	
b	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát			
	- Cấp huyện	Chương trình, đề án	1.000	
	- Cấp tỉnh	Chương trình, đề án	1.300	
2	Xét duyệt đề án, chương trình, kế hoạch			
a	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	150	
b	Thành viên hội đồng, thư ký	Người/buổi	100	
c	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	50	
d	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	200	
e	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	150	
3	Lấy ý kiến thẩm định đề án, chương trình, kế hoạch bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý	Bài viết	200	Trường hợp không thành lập Hội đồng
II	Chi thực hiện đề án, Chương trình, kế hoạch			
1	Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên, hòa giải viên			
a	Thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, cộng tác viên tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt và tổ hòa giải cơ sở			Tùy theo trình độ của báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, tính chất nghiệp vụ phức tạp của từng đợt, buổi tuyên truyền, hướng dẫn
	- Cấp tỉnh	Người/buổi	200	
	- Cấp huyện	Người/buổi	150	
	- Cấp xã	Người/buổi	100	
b	Tài liệu, văn phòng phẩm, sổ sách... phục vụ công tác hòa giải	Tờ/tháng	100	
c	Thù lao hòa giải	Vụ việc/tờ	150	Căn cứ vào xác

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
				nhận của UBND xã về số vụ việc nhận hoà giải của tổ hoà giải cơ sở
2	Biên dịch tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật			
	Biên dịch tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật bằng tiếng dân tộc thiểu số	Trang	60	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 300 từ của văn bản gốc
3	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt			
	- Chi hỗ trợ tiền ăn cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày	20	Không quá 1 ngày
	- Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	5	
4	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường			
a	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài):	Ngày	Tối đa 200% mức lương tối thiểu chung, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	Chỉ áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt tại
b	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Ngày	Tối đa 130% mức lương tối thiểu chung, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật
5	Chi tổ chức các cuộc thi			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
a	Chi biên soạn đề thi (bao gồm cả hướng dẫn và biểu điểm)	Đề thi	Thực hiện theo quy định của Liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi cấp địa phương và cấp quốc gia	
b	Chi bồi dưỡng chấm thi (ban giám khảo), xét công bố kết quả cuộc thi (tối đa không quá 7 người)	Người/ngày	150	Tối đa không quá 5 ngày
c	Chi bồi dưỡng cho thành viên ban tổ chức cuộc thi			
	Chủ tịch, phó Chủ tịch, Thư ký, thành viên hội đồng thi	Người/ngày	150	
d	Chi giải thưởng			
d.1	Cuộc thi tổ chức quy mô cấp tỉnh			
	- Giải nhất:			
	+ Tập thể	Giải thưởng	1.500	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	750	
	- Giải nhì			
	+ Tập thể	Giải thưởng	1.000	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	500	
	- Giải ba			
	+ Tập thể	Giải thưởng	800	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	400	
	- Giải khuyến khích			
	+ Tập thể	Giải thưởng	500	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	250	
d.2	Cuộc thi tổ chức quy mô cấp huyện			
	- Giải nhất:			
	+ Tập thể	Giải thưởng	1.000	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	600	
	- Giải nhì			
	+ Tập thể	Giải thưởng	800	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	500	
	- Giải ba			
	+ Tập thể	Giải thưởng	600	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	400	
	- Giải khuyến khích			
	+ Tập thể	Giải thưởng	400	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	200	
d.3	Cuộc thi tổ chức quy mô cấp xã			
	- Giải nhất:			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
	+ Tập thể	Giải thưởng	800	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	500	
	- Giải nhì			
	+ Tập thể	Giải thưởng	600	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	400	
	- Giải ba			
	+ Tập thể	Giải thưởng	400	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	250	
	- Giải khuyến khích			
	+ Tập thể	Giải thưởng	300	
	+ Cá nhân	Giải thưởng	150	